TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **152**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22/7/2026
V/v y/c không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khanh.

2. Ông Lê Bửu Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hiến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 22/7/2026, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 287/2026/TLST–HNGĐ ngày 10/6/2026 về việc "Yêu cầu không công nhận vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 404/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 320/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Võ Văn C**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Số CCCD: 09407201XXXX

Địa chỉ: Ấp H, xã A, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Bà **Trương Thị H**, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Số CCCD: 09416900XXXX

Địa chỉ: Ấp H, xã A, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Văn C trình bày: Ông và bà Trương Thị H có tổ chức đám cưới năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, ông và bà H có 02 con chung tên: Võ Thị G, sinh năm 1990 (giới tính Nữ) và Võ Văn Bé B, sinh năm 1995 (giới tính Nam), đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Thời gian đầu,

ông và bà H sống chung rất hạnh phúc. Tuy nhiên, đến giữa năm 2025, ông và bà H xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, đã ly thân từ tháng 8/2025 đến nay. Nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông C yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu không công nhận ông và bà Trương Thị H là vợ chồng; Về con chung: Con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trương Thị H trình bày: Bà H thống nhất với lời trình bày và yêu cầu không công nhận vợ chồng của ông C nêu trên.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, vụ án không thuộc trường hợp hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Văn C và bị đơn bà Trương Thị H đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông C và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay các bên đã thống nhất không công nhận vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu không công nhận vợ chồng của ông C.

[2.2] Về con chung: Con chung tên Võ Thị G, sinh năm 1990 (giới tính Nữ) và Võ Văn Bé B, sinh năm 1995 (giới tính Nam), hiện đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228, 238; Điều 271, 273; Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn C.

1.1. Tuyên bố ông Võ Văn C và bà Trần Thị Hòa không phải là vợ chồng.

1.2. Về con chung: Con chung tên Võ Thị G, sinh năm 1990 (giới tính Nữ) và Võ Văn Bé B, sinh năm 1995 (giới tính Nam) hiện đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, ông Võ Văn C phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011791 ngày 10/6/2026 do Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ đã thu. Ông Võ Văn C không phải nộp thêm án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36, và 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ
(Phòng THADS khu vực 10-Cần Thơ);
- VKSND khu vực 10 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Đa